



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số**

3503000233  
4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008  
ngày 29 tháng 4 năm 2021

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100739909 ngày 29 tháng 4 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lâm Du An  
Ông Huỳnh Văn Dũng  
Bà Nguyễn Thị Phước  
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Ông Phạm Văn Phong

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Dũng  
Ông Trịnh Văn Thảo  
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Điều hành**

Ông Huỳnh Văn Dũng  
Ông Võ Thành Điền  
Ông Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
(tới ngày 1/12/2023)  
kiêm Kế toán Trưởng  
(tới ngày 1/7/2023)

**Trụ sở đăng ký**

Số 1 Nguyễn Văn Linh  
Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột  
Tỉnh Đắk Lắk  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Báo cáo của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành  
  
Huỳnh Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, ngày 26 tháng 2 năm 2024 *hqtz*



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 2 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-04-0010-24-5



Phạm Huy Cường  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2675-2024-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 2 năm 2024

007-  
:NH  
INH  
G  
CHI

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>621.118.633.931</b>	<b>570.992.214.671</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>135.037.383.413</b>	<b>40.336.570.208</b>
Tiền	111		9.672.383.413	40.336.570.208
Các khoản tương đương tiền	112		125.365.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>223.614.397.881</b>	<b>220.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	223.614.397.881	220.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>57.493.501.506</b>	<b>58.105.171.311</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7(a)	49.007.863.488	27.516.585.927
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.860.551.323	6.669.754.209
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.700.930.356	24.994.728.183
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7(c)	(1.075.996.329)	(1.075.996.329)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		152.668	99.321
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>200.619.721.990</b>	<b>246.169.349.151</b>
Hàng tồn kho	141		200.619.721.990	246.169.349.151
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.353.629.141</b>	<b>6.381.124.001</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.844.452.506	6.377.212.766
Thuế phải thu Nhà nước	153		509.176.635	3.911.235



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>380.996.623.814</b>	<b>419.323.021.830</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>309.921.232.551</b>	<b>346.677.461.040</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	308.580.914.267	346.077.764.069
Nguyên giá	222		1.548.812.000.137	1.538.139.800.527
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.240.231.085.870)	(1.192.062.036.458)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.340.318.284	599.696.971
Nguyên giá	228		2.396.636.190	1.479.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.056.317.906)	(879.939.219)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>6.468.024.160</b>	<b>6.827.305.204</b>
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.327.813.911)	(2.968.532.867)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>215.135.327</b>	<b>393.352.508</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	215.135.327	393.352.508
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>24.011.941.821</b>	<b>24.011.941.821</b>
Đầu tư vào công ty con	251		23.036.081.821	23.036.081.821
Đầu tư vào công ty liên kết	252		975.860.000	975.860.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>40.380.289.955</b>	<b>41.412.961.257</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	38.390.384.113	37.775.268.263
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.989.905.842	3.637.692.994
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.002.115.257.745</b>	<b>990.315.236.501</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>408.751.463.377</b>	<b>387.441.025.567</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>398.268.934.165</b>	<b>368.259.585.120</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	41.949.049.672	27.534.150.953
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25.637.005.328	42.356.904.643
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	150.757.093.121	182.880.372.837
Phải trả người lao động	314		28.025.943.165	22.358.129.377
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.228.624.513	857.976.715
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	16.268.466.965	16.662.300.664
Vay ngắn hạn	320	18	129.000.000.000	70.372.217.971
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	4.402.751.401	5.237.531.960
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.482.529.212</b>	<b>19.181.440.447</b>
Phải trả dài hạn khác	337		1.380.000.000	1.080.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	9.102.529.212	18.101.440.447
<b>Vốn chủ sở hữu (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>593.363.794.368</b>	<b>602.874.210.934</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>593.363.794.368</b>	<b>602.874.210.934</b>
Vốn cổ phần	411	22	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	99.350.138.745	90.329.263.247
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		195.534.940.930	214.066.232.994
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		150.206.621.946	108.265.343.040
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		45.328.318.984	105.800.889.954
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.002.115.257.745</b>	<b>990.315.236.501</b>

Ngày 26 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc  
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên  
 Kế toán Trưởng



Huỳnh Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>1.236.525.551.838</b>	<b>1.310.051.496.610</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>27</b>	<b>973.053.217.250</b>	<b>1.011.930.635.634</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>263.472.334.588</b>	<b>298.120.860.976</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	42.003.488.906	36.850.154.599
Chi phí tài chính	22		4.313.513.911	4.512.057.118
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.207.245.596	4.448.060.308
Chi phí bán hàng	25	29	38.453.346.828	39.733.360.456
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	79.290.564.285	71.199.539.687
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	<b>30</b>		<b>183.418.398.470</b>	<b>219.526.058.314</b>
Thu nhập khác	31		1.957.562.302	2.988.492.733
Chi phí khác	32		689.452.396	2.059.043.528
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b> (40 = 31 - 32)	<b>40</b>		<b>1.268.109.906</b>	<b>929.449.205</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>184.686.508.376</b>	<b>220.455.507.519</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	33.247.134.240	39.855.495.626
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	1.647.787.152	182.501.939
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>149.791.586.984</b>	<b>180.417.509.954</b>

Ngày 26 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc  
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên  
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>184.686.508.376</b>	<b>220.455.507.519</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	49.732.599.367	49.596.965.726
Các khoản dự phòng	03	(490.595.428)	(2.017.190.068)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(15.101.001)	(18.956.221)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(42.078.477.289)	(36.687.343.129)
Chi phí lãi vay	06	4.207.245.596	4.448.060.308
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>196.042.179.621</b>	<b>235.777.044.135</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(1.415.069.457)	3.929.073.929
Biến động hàng tồn kho	10	45.549.627.161	(69.541.235.028)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(36.614.926.517)	(9.775.213.460)
Biến động chi phí trả trước	12	1.917.644.410	3.394.794.305
		<b>205.479.455.218</b>	<b>163.784.463.881</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.149.272.222)	(4.322.376.113)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(37.646.034.953)	(27.047.530.610)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.264.931.359	1.100.615.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(26.282.726.624)	(24.695.324.507)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>138.666.352.778</b>	<b>108.819.847.651</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(6.366.682.533)	(27.781.024.325)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	163.636.364	172.727.273
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(436.614.397.881)	(530.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	433.000.000.000	525.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	41.459.596.366	34.701.091.099
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>31.642.152.316</b>	<b>2.092.794.047</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	872.360.099.338	925.265.806.198
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(813.732.317.309)	(931.893.588.227)
Tiền chi trả cổ tức	36	(134.250.574.919)	(107.660.120.949)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(75.622.792.890)</b>	<b>(114.287.902.978)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>94.685.712.204</b>	<b>(3.375.261.280)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>40.336.570.208</b>	<b>43.692.875.267</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>15.101.001</b>	<b>18.956.221</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>135.037.383.413</b>	<b>40.336.570.208</b>

Ngày 26 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc  
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên  
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc

^ Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng và kho bãi.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Trụ sở Chính của Công ty nằm ở số 1 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai chi nhánh trực thuộc tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (“Chi nhánh Quy Nhơn”) và thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (“Chi nhánh Phú Yên”). Hoạt động chính của các chi nhánh của Công ty như sau:

<b>Tên chi nhánh</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Quy Nhơn	Sản xuất và kinh doanh bia	Khu Công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
Chi nhánh Phú Yên	Sản xuất và kinh doanh bia và nước tinh khiết	265 Đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đắk Lắk và tất cả các chi nhánh (sau đây gọi chung là “Công ty”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 442 nhân viên (1/1/2023: 444 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Bất động sản đầu tư**

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 16 – 25 năm

**(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng**

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 30 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các năm ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

**(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	449.794.029	1.204.925.321
Tiền gửi ngân hàng	9.222.589.384	39.131.644.887
Các khoản tương đương tiền (*)	125.365.000.000	-
	135.037.383.413	40.336.570.208

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi được gửi bằng VND tại ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất từ 4,1% đến 4,5% (1/1/2023: Không).

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi và dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 4,1% đến 9,3% (1/1/2023: từ 5,5% đến 10,7%).

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2023 và 1/1/2023				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào:</b>					
Công ty con					
• Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn	Không áp dụng	100%	23.036.081.821	-	(*)
Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần In -Thương Mại Phú Yên	120.513	20%	975.860.000	-	(*)
			24.011.941.821	-	

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	42.265.734.352	22.658.528.190
Các khách hàng khác	6.742.129.136	4.858.057.737
	49.007.863.488	27.516.585.927

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn - Trụ sở chính	2.019.834.729	1.033.970.652
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	42.265.734.352	22.658.528.190
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	227.945.610

Khoản phải thu thương mại từ công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.075.996.329	2.362.496.330
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(1.286.500.001)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.075.996.329</b>	<b>1.075.996.329</b>

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Phải thu về lợi nhuận phân phối từ Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn, công ty con	-	21.016.371.173
Phải thu lãi tiền gửi	3.534.918.042	1.502.734.248
Phải thu khác	1.166.012.314	2.475.622.762
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.700.930.356</b>	<b>24.994.728.183</b>

**9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	13.000.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	95.689.467.967	-	133.896.449.126	-
Công cụ và dụng cụ	55.582.048.492	-	56.833.249.217	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.433.236.940	-	28.009.098.960	-
Thành phẩm	13.901.968.591	-	27.396.665.484	-
Hàng hóa	-	-	33.886.364	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>200.619.721.990</b>	<b>-</b>	<b>246.169.349.151</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	253.477.075.989	1.256.295.171.590	19.744.824.445	7.380.249.669	1.242.478.834	1.538.139.800.527
Tăng trong năm	333.077.000	4.495.785.173	50.060.000	668.310.744	-	5.547.232.917
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.385.522.627	3.781.543.136	-	-	-	6.167.065.763
Thanh lý	-	-	(551.989.122)	-	-	(551.989.122)
Xóa sổ	-	(232.497.508)	(242.454.545)	-	(15.157.895)	(490.109.948)
Số dư cuối năm	256.195.675.616	1.264.340.002.391	19.000.440.778	8.048.560.413	1.227.320.939	1.548.812.000.137

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư đầu năm	141.054.393.373	1.029.091.011.067	14.910.282.743	6.064.337.508	942.011.767	1.192.062.036.458
Khấu hao trong năm	12.551.284.392	34.637.518.044	1.427.648.695	535.117.561	45.370.944	49.196.939.636
Thanh lý	-	-	(551.989.122)	-	-	(551.989.122)
Xóa sổ	-	(230.478.136)	(242.454.545)	-	(2.968.421)	(475.901.102)
Số dư cuối năm	153.605.677.765	1.063.498.050.975	15.543.487.771	6.599.455.069	984.414.290	1.240.231.085.870

**Giá trị còn lại**

Số dư đầu năm	112.422.682.616	227.204.160.523	4.834.541.702	1.315.912.161	300.467.067	346.077.764.069
Số dư cuối năm	102.589.997.851	200.841.951.416	3.456.953.007	1.449.105.344	242.906.649	308.580.914.267



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 931.792 triệu VND (1/1/2023: 919.027 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 87.702 triệu VND (1/1/2023: 80.235 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	500.000.000	750.636.190	229.000.000	1.479.636.190
Tăng trong năm	-	917.000.000	-	917.000.000
Số dư cuối năm	500.000.000	1.667.636.190	229.000.000	2.396.636.190
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	650.939.219	229.000.000	879.939.219
Khấu hao trong năm	-	176.378.687	-	176.378.687
Số dư cuối năm	-	827.317.906	229.000.000	1.056.317.906
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	500.000.000	99.696.971	-	599.696.971
Số dư cuối năm	500.000.000	840.318.284	-	1.340.318.284

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 797 triệu VND (1/1/2023: 797 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Bất động sản đầu tư**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	4.060.363.160	4.419.644.204
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>6.468.024.160</b>	<b>6.827.305.204</b>
	<hr/>	<hr/>

**(a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	7.388.177.071
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	2.968.532.867
Khấu hao trong năm	359.281.044
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.327.813.911
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	4.419.644.204
Số dư cuối năm	4.060.363.160
	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
Số dư đầu năm và cuối năm	2.407.661.000

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Số dư đầu năm	393.352.508	3.854.940.071
Tăng trong năm	5.988.848.582	9.387.135.715
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.167.065.763)	(12.848.723.278)
Số dư cuối năm	215.135.327	393.352.508

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	12.804.586.122	6.449.024.461	11.609.906.907	6.911.750.773	37.775.268.263
Tăng trong năm	12.432.573.397	5.202.360.237	121.631.904	2.947.518.563	20.704.084.101
Phân bổ trong năm	(8.486.635.726)	(5.899.419.368)	(445.208.232)	(4.687.022.003)	(19.518.285.329)
Thanh lý	(570.682.922)	-	-	-	(570.682.922)
Phân loại lại	(479.139.735)	479.139.735	-	-	-
Số dư cuối năm	15.700.701.136	6.231.105.065	11.286.330.579	5.172.247.333	38.390.384.113

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	15.757.046.696	1.955.193.724
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	2.157.911.315	185.724.000
Công ty TNHH ASIA Packaging Industries (Việt Nam)	-	13.279.517.060
Các nhà cung cấp khác	24.034.091.661	12.113.716.169
	<b>41.949.049.672</b>	<b>27.534.150.953</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn – Trụ sở chính	703.004.483	390.651.648
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn – chi nhánh Phú Yên	48.592.392	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	15.757.046.696	1.955.193.724
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	152.327.852

Khoản phải trả thương mại cho công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số phân loại lại trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	49.290.926.478	212.335.921.308	(68.549.858.699)	(158.379.232.506)	-	34.697.756.581
Thuế tiêu thụ đặc biệt	105.364.196.925	905.940.006.250	-	(921.869.920.098)	-	89.434.283.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.992.338.547	33.247.134.240	-	(37.646.034.953)	-	22.593.437.834
Thuế thu nhập cá nhân (*)	1.020.099.348	8.480.168.551	-	(7.112.801.449)	-	2.387.466.450
Tiền thuế đất, thuế đất	-	5.671.320.491	-	(4.675.543.395)	505.265.400	1.501.042.496
Các loại thuế khác	212.811.539	1.096.377.745	-	(1.166.082.601)	-	143.106.683
	182.880.372.837	1.166.770.928.585	(68.549.858.699)	(1.130.849.615.002)	505.265.400	150.757.093.121

(\*) Trong thuế thu nhập cá nhân đã nộp trong năm có 2.222.861.778 VND liên quan đến thu nhập từ cổ tức của các cổ đông là cá nhân.

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Cổ tức phải trả	10.085.286.765	10.025.945.684
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.255.255.000	1.233.255.000
Quỹ công tác xã hội	1.782.620.420	1.110.532.870
Phải trả ngắn hạn khác	3.145.304.780	4.292.567.110
	16.268.466.965	16.662.300.664



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**18. Vay ngắn hạn**

	1/1/2023	Biến động trong năm	31/12/2023
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	70.372.217.971	872.360.099.338	(813.732.317.309)
			129.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	4% - 5%	40.000.000.000	67.939.333.848
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	3,5%	50.000.000.000	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (iii)	VND	3,5%	19.000.000.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (iv)	VND	3%	20.000.000.000	2.432.884.123
			129.000.000.000	70.372.217.971



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 90.000 triệu VND và chịu lãi suất của Agribank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi ba tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 69.756 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 80.235 triệu VND) (Thuyết minh 10) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“BIDV”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 50.000 triệu VND và chịu lãi suất của BIDV tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 17.946 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Thuyết minh 10) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Vietinbank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 67.000 triệu VND và chịu lãi suất của Vietinbank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi ba tháng. Khoản vay này không được đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 3 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) - Chi nhánh Bình Định có hạn mức tín dụng 25.000 triệu VND và chịu lãi suất của Vietcombank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi ba tháng. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	5.237.531.960	4.857.430.788
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	24.090.000.000	23.847.300.000
Tăng khác	1.264.931.359	1.100.615.000
Sử dụng trong năm	(26.189.711.918)	(24.567.813.828)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.402.751.401</b>	<b>5.237.531.960</b>

**20. Dự phòng phải trả dài hạn**

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Dự phòng khác (*) VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	9.686.139.346	8.415.301.101	18.101.440.447
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(490.595.428)	-	(490.595.428)
Dự phòng sử dụng trong năm	(93.014.706)	(8.415.301.101)	(8.508.315.807)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.102.529.212</b>	<b>-</b>	<b>9.102.529.212</b>

(\*) Dự phòng khác phản ánh dự phòng cho phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2011 đến 2012 theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH ngày 2 tháng 6 năm 2014. Khoản dự phòng đã được sử dụng trong năm.

**Công ty Cổ phần Bìa Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	298.466.480.000	12.234.693	82.571.601.825	170.492.718.603	551.543.035.121
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	180.417.509.954	180.417.509.954
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(23.847.300.000)	(23.847.300.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	7.757.661.422	(7.757.661.422)	-
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(775.766.141)	(775.766.141)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(104.463.268.000)	(104.463.268.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	298.466.480.000	12.234.693	90.329.263.247	214.066.232.994	602.874.210.934
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	149.791.586.984	149.791.586.984
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(24.090.000.000)	(24.090.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	9.020.875.498	(9.020.875.498)	-
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(902.087.550)	(902.087.550)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(134.309.916.000)	(134.309.916.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	298.466.480.000	12.234.693	99.350.138.745	195.534.940.930	593.363.794.368

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022.

## 23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 14 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 74.617 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2022 (2022: quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND, tương đương 3.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021, trong đó 104.463 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2021).

Tại cuộc họp ngày 4 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 74.617 triệu VND (tương đương 2.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023.

Tại cuộc họp ngày 10 tháng 10 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 29.847 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-DHCD ngày 14 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty là 9.021 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 (2022: 7.758 triệu VND).

**25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

<b>Thuê</b>	<b>Thời hạn thuê</b>	<b>Ngày thay đổi giá thuê</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Lô đất 1	31-12-2056	31-12-2025	1.485.912.406	2.228.868.608
Lô đất 2	31-1-2058	30-1-2028	18.280.684.800	156.691.584
Lô đất 3	31-12-2048	31-12-2024	414.310.039	408.558.416
Lô đất 4	31-12-2048	31-12-2024	163.625.855	161.354.334
Lô đất 5	31-12-2048	31-12-2024	886.515.928	874.208.949
Lô đất 6	31-12-2048	31-12-2024	239.778.208	236.449.508
Lô đất 7	31-12-2048	31-12-2024	116.640.281	-
Lô đất 8	10-10-2036	31-5-2026	277.718.500	392.636.500
Lô đất 9	10-10-2036	9-10-2026	519.235.200	708.048.000
Lô đất 10	10-10-2036	5-3-2025	339.064.320	629.690.880
Lô đất 11	10-10-2036	31-5-2026	1.995.217.400	2.820.824.600
Lô đất 12	10-10-2036	31-5-2026	638.612.480	902.865.920
			<b>25.357.315.417</b>	<b>9.520.197.299</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
EUR	502	13.245.745	332	8.150.643
USD	45.556	1.096.990.542	53.124	1.243.960.113
		1.110.236.287		1.252.110.756

**(c) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba**

	Đơn vị	31/12/2023 Số lượng	1/1/2023 Số lượng
Bia Lowen 330	Két	673	902

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.154.826.236.503	1.247.861.508.685
▪ Cung cấp dịch vụ	50.923.728.083	36.151.238.862
▪ Doanh thu khác	30.775.587.252	26.038.749.063
	1.236.525.551.838	1.310.051.496.610

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	955.617.217.780	998.945.159.132
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.771.861.831	6.760.462.928
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(205.608.887)
▪ Giá vốn khác	11.664.137.639	6.430.622.461
	<b>973.053.217.250</b>	<b>1.011.930.635.634</b>

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	22.415.152.487	15.485.926.284
Lợi nhuận phân phối từ công ty con và công ty liên kết	19.513.897.284	21.317.653.673
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.101.001	18.956.221
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.338.134	15.337.644
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	12.280.777
	<b>42.003.488.906</b>	<b>36.850.154.599</b>

**29. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	3.678.126.916	3.666.596.084
Chi phí khấu hao và phân bổ	339.227.027	50.518.598
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	304.921.723	173.008.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.645.499.074	32.814.510.060
Chi phí bán hàng khác	2.485.572.088	3.028.727.652
	<b>38.453.346.828</b>	<b>39.733.360.456</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	36.675.570.563	34.302.087.347
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.760.910.825	3.696.324.487
Chi phí thuê	6.649.528.842	5.629.295.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.586.674.374	4.421.016.729
Chi phí quản lý khác	27.617.879.681	23.150.815.975
	<hr/>	<hr/>
	79.290.564.285	71.199.539.687
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	768.484.960.313	841.275.060.568
Chi phí nhân công và nhân viên	118.303.007.497	112.197.920.158
Chi phí khấu hao và phân bổ	49.732.599.367	49.596.965.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.302.882.883	81.782.127.795
Chi phí khác	56.003.794.263	51.425.491.255
	<hr/>	<hr/>

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	33.226.438.502	39.832.131.208
Dự phòng thiếu trong những năm trước	20.695.738	23.364.418
	<hr/>	<hr/>
	33.247.134.240	39.855.495.626
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	1.647.787.152	182.501.939
	<hr/>	<hr/>
	34.894.921.392	40.037.997.565
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	184.686.508.376	220.455.507.519
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	36.937.301.675	44.091.101.500
Chi phí không được khấu trừ thuế	191.916.284	187.062.382
Biến động các chênh lệch tạm thời	1.647.787.152	-
Thu nhập không bị tính thuế	(3.902.779.457)	(4.263.530.735)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	20.695.738	23.364.418
	<b>34.894.921.392</b>	<b>40.037.997.565</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và các Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác trong báo cáo tài chính riêng này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ</b>		
<b>Bia Quy Nhơn – Trụ sở chính</b>		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	492.689.194.273	444.171.498.487
Bán phụ tùng thay thế	886.768.019	1.008.335.286
Giao dịch khác	88.595.991	88.595.991
Mua dịch vụ	7.009.378.132	4.492.631.553
Mua hàng hóa	-	20.354.549
Lợi nhuận phân phối đã nhận	19.453.640.784	21.016.371.173
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ</b>		
<b>Bia Quy Nhơn – Chi nhánh Phú Yên</b>		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	64.920.515.068	57.118.016.451
Cung cấp dịch vụ	20.966.763.029	14.577.873.325
Mua hàng hóa	44.992.955	21.000.000



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên</b>		
Mua nguyên vật liệu và công cụ và dụng cụ	6.299.500.000	4.587.314.800
Lợi nhuận phân phối đã nhận	60.256.500	301.282.500
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	554.289.308.242	713.781.080.026
Giao dịch bán khác	1.049.851.459	292.339.155
Mua nguyên vật liệu	342.685.902.784	478.822.926.538
Cổ tức đã trả	43.278.133.500	33.660.770.500
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Phí sử dụng vỏ chai	-	244.274.739
Cung cấp dịch vụ	1.023.697.397	-
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên</b>		
Cung cấp dịch vụ	192.000.000	720.000.000
Bán hàng hóa khác	184.768.629	1.698.607.770
<b>Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco</b>		
Mua công cụ dụng cụ	363.613.000	177.125.000
Mua dịch vụ	1.011.000.000	95.200.000
<b>Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	12.900.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	130.000.000	130.000.000
Ông Huỳnh Văn Dũng – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thị Phước – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Phạm Văn Phong – Thành viên	91.000.000	91.000.000
<b>Thành viên Ban Điều hành</b>		
<i>Lương cơ bản</i>		
Ông Huỳnh Văn Dũng – Tổng Giám đốc	744.177.696	722.711.070
Ông Võ Thành Điền – Phó Tổng Giám đốc	495.039.948	480.759.972
Ông Vũ Tuấn Anh – Phó Tổng Giám đốc (tới ngày 1/12/2023) kiêm Kế toán trưởng (tới ngày 1/7/2023)	453.786.619	480.759.972

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng Ban	260.000.000	260.000.000
Ông Trịnh Văn Thảo – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Ông Bùi Quang Đáng – Thành viên	52.000.000	52.000.000

**34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính**

	2023 VND	2022 VND
Cần trừ khoản phân phối lợi nhuận với khoản người mua trả tiền trước	19.453.640.784	-

**35. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán**

	2023 VND	2022 VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	270.000.000	248.000.000
Phí dịch vụ soát xét thông tin tài chính	155.000.000	120.000.000

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 26 tháng 2 năm 2024

Người lập:



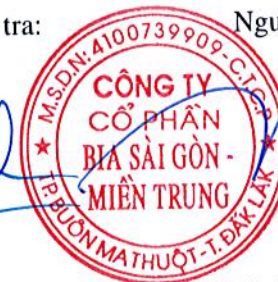
Trần Thị Thanh Phúc  
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA  
SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**

Số 44/CV-CT

V/v Công bố thông tin BCTC  
Tổng hợp đã kiểm toán năm 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 01 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM


1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
2. Mã chứng khoán: SMB
3. Địa chỉ trụ sở chính: 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
4. Điện thoại: 02623.877519 Fax: 02623.877455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Huỳnh Văn Dũng
6. Nội dung thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2023 đã kiểm toán của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung bao gồm: Báo cáo của Ban điều hành, Báo cáo kiểm toán độc lập, BCĐKT tại ngày 31/12/2023, BCKQKD năm 2023, BCLCTTGT cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-31/12/2023, TMBCTC cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-31/12/2023.
  - 6.2 Các nội dung giải trình: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp đã kiểm toán năm 2023 phát sinh chênh lệch từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm 2022, cụ thể:

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 giảm 17,0% so với cùng kỳ 2022 tương ứng với giảm 30,63 tỷ, nguyên nhân chủ yếu là do sản lượng tiêu thụ năm 2023 giảm 15,1tr lít so với cùng kỳ năm 2022, Công ty đã quản lý tốt định mức nguyên nhiên vật liệu trong khi chi phí, giá vật tư tăng cao hơn so với cùng kỳ 2022.

Báo cáo giải trình này được gửi kèm với Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán để phục vụ việc Công bố thông tin theo quy định.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <https://biasaigonmt.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận: 

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI CBTT**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Huỳnh Văn Dũng*